

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 8 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 5 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Nguyễn Thanh Hoàn
Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Ông Nguyễn Phúc Hương

Ông Ứng Hồng Vận
Bà Mạc Thị Thanh Xuân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 10 tháng 4 năm 2015)
Thành viên
(đến ngày 10 tháng 4 năm 2015)
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 336, Đường Hoàng Liên
Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
Ung Hồng Vận
Giám đốc

Thành phố Lào Cai, Ngày 24/08/2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24/10/2015, được trình bày từ trang 5 đến 32. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong giá trị xây dựng cơ bản chuyển sang tài sản cố định tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 bao gồm 50.071 triệu VND là chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh từ ngày thành lập Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngày dự án thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá rằng khoản chi phí này đủ điều kiện để được vốn hóa vào nguyên giá tài sản do từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện đầu tư duy nhất một dự án thủy điện Ngòi Phát và hiện nay dự án đang được thực hiện quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do không có đủ thông tin từ hệ thống sổ sách kế toán hiện thời, chúng tôi không thể xác định được liệu toàn bộ các khoản chi phí quản lý trên có đủ điều kiện vốn hóa vào nguyên giá của tài sản theo như quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình hay không. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề trên tới các số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ đối với nguyên giá tài sản cố định hữu hình, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chi phí quản lý doanh nghiệp, và lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Các khoản chi phí cho các dự án thủy điện Chu Linh – Cốc San, Sử Pán và Tà Thàng đang được ghi nhận vào xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn lần lượt với giá trị là 6.188 triệu VND và 2.939 triệu VND. Các dự án này đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty, tuy nhiên các dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Theo đánh giá của ban Giám đốc Công ty các khoản chi phí đã phát sinh cho các dự án này sẽ không có khả năng thu hồi và sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có phê duyệt của Hội đồng quản trị của Công ty. Theo ý kiến của chúng tôi, các khoản chi phí này không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản, do vậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang ghi nhận thừa xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn lần lượt là 6.188 triệu VND và 2.939 triệu VND, chi phí quản lý doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bị ghi nhận thiếu là 9.127 triệu VND.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần với một số điểm cần nhấn mạnh đối với các báo cáo tài chính này lần lượt trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 2 năm 2015 và báo cáo soát xét ngày 5 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-203-a

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		85.242.826.927	147.791.262.206
Tiền	110	5	10.102.525.787	16.878.405.960
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.139.261.178	130.651.657.263
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.703.925.288	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.229.026.053	23.890.917.076
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.206.309.837	106.760.740.187
Hàng tồn kho	140	8	5.926.674.815	-
Hàng tồn kho	141		5.926.674.815	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.074.365.147	261.198.983
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.028.885.125	229.460.925
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	31.738.058
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.957.022.981.277	1.886.657.675.925
Tài sản cố định	220		1.944.186.235.471	8.651.325.048
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.935.894.930.340	360.019.917
Nguyên giá	222		1.971.800.265.924	1.740.315.924
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.905.335.584)	(1.380.296.007)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.549.915.554	1.867.447.381.354
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	8.549.915.554	1.867.447.381.354
Tài sản dài hạn khác	260		4.286.830.252	10.558.969.523
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.286.830.252	10.558.969.523
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.042.265.808.204	2.034.448.938.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.613.442.007.180	1.598.142.634.338
Nợ ngắn hạn	310		247.988.135.667	308.393.077.387
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	121.261.060.766	122.729.726.738
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	9.721.560.602	5.462.248.239
Phải trả người lao động	314		974.291.813	4.266.308.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	79.917.546.068	26.152.042.285
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	3.855.676.418	28.377.284.454
Vay ngắn hạn	320	17(a)	32.258.000.000	121.405.467.106
Nợ dài hạn	330		1.365.453.871.513	1.289.749.556.951
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	231.000.000	210.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.365.222.871.513	1.289.539.556.951
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		428.823.801.024	436.306.303.793
Vốn chủ sở hữu	410	18	428.823.801.024	436.306.303.793
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	8.628.956.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.884.843.391	1.738.390.092
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.738.390.092	1.589.839.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.146.453.299	148.550.823
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.042.265.808.204	2.034.448.938.131

Người lập:

Lâm Thị Hà

Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh

Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng	01	21	135.107.780.581	-
Giá vốn hàng bán	11		50.568.573.703	-
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		84.539.206.878	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.010.286.203	113.655.362
Chi phí tài chính	22	22	82.569.831.419	8.828.178
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		71.983.194.531	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.806.249.723	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		1.173.411.939	104.827.184
Thu nhập khác	31		-	13.636.364
Chi phí khác	32		26.958.640	42.766.873
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(26.958.640)	(29.130.509)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.146.453.299	75.696.675
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	16.653.268
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.146.453.299	59.043.407
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	28	2

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.146.453.299	75.696.675
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	04	34.525.039.577	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(380.028.647)	(113.655.362)
Chi phí lãi vay	06	71.983.194.531	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	107.274.658.760	(37.958.687)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	61.699.229.921	24.089.387.379
Biến động hàng tồn kho	10	(5.926.674.815)	
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(27.847.319.927)	(5.960.890.915)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.324.155.794)	29.993.342
		133.875.738.145	18.120.531.119
Tiền lãi vay đã trả	14	(84.737.264.834)	(42.298.702.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.562.869)	(94.761.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.117.910.442	(24.272.933.217)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(42.809.666.718)	(270.870.675.218)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	380.028.647	113.655.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.429.638.071)	(270.757.019.856)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết
số minh
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2015
VND
30/6/2014
VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	45.215.139.456	295.064.111.458
Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.679.292.000)	(20.833.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.464.152.544)	274.231.111.458
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(6.775.880.173)	(20.798.841.615)
Tiền đầu kỳ	60	5 16.878.405.960	37.523.209.480
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5 10.102.525.787	16.724.367.865

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chính thức đi vào hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 100 nhân viên (1/1/2015: 92 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(m)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của khoản lãi chênh lệch tỷ giá trước đây được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái là 8.628 triệu VND được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 tăng 8.628 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác. Các khoản thấu chi ngân hàng phải hoàn trả khi có yêu cầu và là một bộ phận không thể tách rời trong việc quản lý tiền tệ của Công ty được tính trừ vào tiền cho mục đích trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phần bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

5. Tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.181.182.361	2.272.396.028
Tiền gửi ngân hàng	8.921.343.426	14.606.009.932
	<hr/>	<hr/>
	10.102.525.787	16.878.405.960

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện.